

Sinh tiền, nhà kinh tế học Pháp Gaetan Pirou đã mô tả cơ chế của tiền tệ như là một kim tự tháp lật ngược. cái mũi nhọn (tầng đáy) là vàng nằm ở dưới, kế đó tầng 2 là ngoại tệ, tầng 3 là tiền nội hay giấy bạc lưu hành do ngân hàng nhà nước phát hành, tầng thứ 4 là tiền gởi ngân hàng được huy động bởi các séc, tiếp theo một số tác giả còn thêm một tầng thứ 5 là bán tiền tệ hay các cổ phần, cổ phiếu, thương phiếu, kỳ phiếu là những giấy nợ có đặc tính chung là sinh lợi, và hấp dẫn người có vốn tuy theo mức lợi nhuận thấp hay cao và các giấy nợ ấy có chắc chắn hay không. Khái niệm về kim tự tháp tiền tệ này được khai sinh tại các nước phát triển, nên các kinh tế gia đã gọi nó là lật ngược, vì vàng và ngoại tệ chỉ là một phần nhỏ của khối lượng tiền lưu hành trong nước. Ngay cả tiền mặt hay giấy bạc lưu hành cũng chỉ khoảng 1/4 hay 1/5 khối tiền (chỉ tính bút tệ và giấy bạc lưu hành, không tính vàng, ngoại tệ và bán tiền tệ), còn 4/5 đến 3/4 là tiền gởi ngân hàng. Tiền gởi ngân hàng được huy động bằng séc là phương tiện lưu thông, thanh toán chính tại các nước phát triển.

Trong khối tiền hiệu theo nghĩa rộng, bao gồm cả các thành phần vàng, ngoại tệ, giấy bạc lưu hành, tiền gởi ngân hàng, bán tiền tệ, thì bán tiền tệ mới là thành phần chính yếu của tiền. Bởi vì nó có một đặc điểm là khả năng sinh lợi cao. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư vào một xí nghiệp có viễn ảnh sinh lợi chắc chắn thì có thể trở thành triệu phú. Bởi vậy, người dân xứ phát triển không giữ vàng và ngoại tệ, cũng như tiền mặt, mà chỉ dùng tiền gởi trong ngân hàng, (được sử dụng bằng séc), còn dư tiền nữa thì họ mua cổ phần, cổ phiếu, kỳ phiếu. Cũng lưu ý rằng muốn được quyền bán cổ phần trên thị trường chứng khoán, các xí nghiệp phải công khai tài chánh đang tại trên báo các ban tổng kết tài sản, bản kết toán lời lỗ, như vậy người dân biết xí nghiệp nào lời lãi bao nhiêu và có thể "chọn mặt gởi vàng". Vì vậy, phần lớn của nôi của người dân các xứ phát triển là "bán tiền tệ".

Chính vì lý do nói trên nên việc huy động vốn mới tại các nước phát triển tiến hành khá dễ dàng. Chỉ cần các dự án được ngân hàng đánh giá là có khả năng sinh lợi cao, ngân hàng sẽ bỏ tiền mua hết các cổ phần, sau đó sẽ bán dần các cổ phần này với giá cao hơn trên thị trường chứng khoán, như vậy các xí nghiệp có tiền kinh doanh ngay. Và người dân mua cổ phần để mong thu lợi nhuận, thay vì để tiền chết dưới hình thức vàng và đô la, nên ngân hàng cũng không sợ các cổ phần bị "ế".

I. CƠ CẤU KIM TỰ THÁP TIỀN TẠI VIỆT NAM

CƠ CẤU KIM TỰ THÁP TIỀN TỆ VIỆT NAM

LÊ TIẾN HÙNG

Tại Việt Nam, trái lại, trong khối tiền, hiệu theo nghĩa rộng, thì vàng và USD có khối lượng lớn nhất trong kim tự tháp tiền Việt Nam, cái đáy rộng của kim tự tháp tiền là vàng và USD chiếm phần lớn khối lượng của kim tự tháp. Theo *Báo Xuân ngân hàng* 1994, các chuyên viên ngoại quốc ước lượng 60 - 70% các thanh toán được thực hiện bằng vàng và USD. Tiếp theo là tiền mặt hay giấy bạc lưu hành có khối lượng lớn thứ 2, sau mới đến tiền gởi ngân hàng và cuối cùng mới là bán tiền tệ.

Cơ cấu tiền như trên có nguyên nhân là từ 1990 trở đi, tiếp theo chính sách mở cửa, vàng và USD đã tràn ngập VN, gây ra hiện tượng "đô la hóa". Xuất nhập khẩu VN sắp si bằng nhau, nên số dư hay thiếu USD bắt nguồn từ tiền kiều hối và tiền chi du khách (ước trên 1 tỷ/năm), đầu tư ngoại quốc (ước 1 tỷ/năm), tiền viện trợ và cho vay của ngoại quốc. Ba khoản tiền này sắp si khoảng 2 - 3 tỷ USD/năm. Nếu trừ đi một tỷ USD nhập lậu, số dư ra cũng khoảng 1 - 2 tỷ USD/năm. Tất nhiên, các số trên chỉ là số phỏng và chỉ đúng trên bình diện vĩ mô, nếu tích lũy số dư từ 1990 đến nay là 1995, có thể ước lượng vài ba tỷ USD và vàng đang lưu hành trong nhân dân.

Hiện tượng đô la hóa là một nhược điểm của cơ cấu tiền tệ VN. Nguyên nhân chính khiến cho nạn buôn lậu thanh hành, là vì các giới buôn lậu có thể thu gom ngoại tệ trong nhân dân để thanh toán các nhà cung cấp ngoại quốc. Số lượng vài tỷ USD trên, nếu tập trung trong tay ngân hàng, có thể dùng thuê ngoại quốc làm hàng chục nhà máy bạc trung. Nếu như không dùng USD, vàng trong thanh toán mà dùng tiền nội, ngân hàng có thể cho lưu hành thêm một số tiền nội tương ứng với vài tỷ USD trên mà không gây lạm phát. Đồng thời tất cả các thứ tiền ngoại tệ này đều là tiền giấy, cứ mỗi

năm mất giá một ít, chưa kể những lần phá giá đặc biệt. Và như vậy, hàng năm, người Việt chúng ta bị mất không một số khá lớn trị giá tiền ngoại tệ được giữ tại nước ta.

II. CHÍNH SÁCH KIM TỰ THÁP TIỀN

Ngân hàng nhà nước VN đã và đang có một số biện pháp tác dụng trên cơ cấu tiền. Trước đây, tư nhân không được mở tài khoản séc, séc chỉ được thanh toán nếu ngân hàng có tiền mặt, nay các tư nhân, xí nghiệp đều được mở tài khoản séc và nếu tài chủ có đủ tiền gởi vào ngân hàng, đương nhiên ngân hàng phải thanh toán séc, ngân hàng nào không thanh toán được các séc có đủ bảo chứng sẽ mất hết khách hàng ngay. Như vậy, một trong những điều kiện cần thiết để tiền gởi ngân hàng thay tiền mặt là tư nhân, các xí nghiệp có quyền mở tài khoản thanh toán và các séc có đủ tiền bảo chứng phải được thanh toán ngay đã thành sự thật. Từ đó, năm 1994 khối lượng tiền gởi ngân hàng đã tăng và đã có một số nghiệp vụ được thanh toán bằng séc.

Ngân hàng cũng chú ý đến việc thu mua USD. Vào cuối năm 1994 ngân hàng đã ban hành một số biện pháp mua đồng USD và hàng tháng thu được nhiều chục triệu USD.

Tiếp theo, ngân hàng đang xúc tiến việc thành lập thị trường chứng khoán, nhà nước cũng đang cho thi hành việc cổ phần hóa một số xí nghiệp quốc doanh.

Nhìn chung, đã có một số công cụ để tác dụng trên cơ cấu kim tự tháp tiền tệ VN để cho kim tự tháp này có một hình thức thuận lợi cho phát triển như tại các nước mở mang. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là các biện pháp trên thi hành chậm chạp, như chưa thấy lập thị trường chứng khoán, việc cổ phần hóa - tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh chỉ mới được thực hiện cho vài ba xí nghiệp trong số 6.000 - 7.000 xí nghiệp quốc doanh... Muốn bán các cổ phần cho người dân, cần công khai tài chánh, nhưng các xí nghiệp vẫn chưa làm điều này. Mức lợi nhuận các xí nghiệp công và tư chưa cao và chưa hấp dẫn người đầu tư. Chưa có luật đầu tư dành cho người VN, mặc dù đã có luật đầu tư cho người ngoại quốc. Tuy năm 1994, ngân hàng đã tổ chức việc mua tiền ngoại, song chỉ mới áp dụng từng phần và phần lớn đô la vẫn lưu thông ngoài ngân hàng. Ở ngoại quốc, có những điều luật ưu đãi người dùng séc, như được đóng thuế nhẹ hơn so với việc thanh toán bằng giấy bạc. Còn ngoại tệ thì chỉ dùng trong thanh toán với quốc tế chứ không được dùng thanh toán việc mua bán trong nước. Như vậy, nên có một số biện pháp tác dụng mạnh hơn trên cơ cấu tiền VN, để cho cơ cấu này có một thành phần thuận lợi hơn đối với việc phát triển nhanh.